

NGÔN NGỮ HỌC VÀ VIỆT NGỮ HỌC

KHU PHỐ CỔ THĂNG LONG - HÀ NỘI

TỪ GÓC NHÌN ĐỊA DANH HỌC

THE OLD TOWN AREA OF THANG LONG - HANOI
FROM THE POINT OF VIEW OF TOPONYMY

NGUYỄN THỊ VIỆT THANH

(PGS. TS; Viện Việt Nam học và Khoa học phát triển, ĐHQG Hà Nội)

Abstract: The paper provides an approach to the history of development of the old town of Thang Long - Ha Noi from the place - names aspect. On the basis of the cadastral documents, the land register books and the historical research, the paper describes the painting of the development of the old town through three main stages: the feudal period, the French colonial period and the period after colonial through the formation and transformation system places-names of the administrative units and streets. The reflects of the natural, social and economic conditions, political conditions in the classes of places names in different historical periods were surveyed, analyzed from the qualitative aspects associated with quantitative. Through the classes of place-names as evidences, readers have the opportunity to learn more about the famous area called 36 streets in Hanoi from the linguistics approach.

Key words: administration place - names; Tho Xuong district; Vinh Xuong district; Sino-Chinese place name; administrative units; old town; professional streets.

1. Dẫn nhập

Thăng Long-Hà Nội nổi tiếng với 36 phố phường, một khái niệm đặc trưng cho Hà Nội truyền thống, nơi mang đầy đủ nhất các đặc điểm của một khu vực là trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa của Việt Nam. Trải qua các quá trình phát triển với những điều kiện chính trị - xã hội khác nhau, Thăng Long - Hà Nội không ngừng phát triển và biến đổi về cả phương diện địa giới, tổ chức hành chính lẫn vai trò, chức năng chính trị, trong đó phố cổ - khu vực nằm ở phía đông Thành Hà Nội (trước thế kỉ XIX gọi là Hoàng thành), luôn có một vị trí hết sức đặc biệt trong đời sống kinh tế, văn hóa, tinh thần của vùng đất này nhiều thế kỉ qua.

Theo Nguyễn Văn Uẩn [12, tr.429], khu phố cổ vốn có từ rất lâu đời, còn tên gọi “36 phố phường” xuất hiện vào thời Lê Sơ (đầu

thế kỉ XV). Thực tế không có tài liệu cổ nào ghi lại cụ thể, chỉ biết rằng từ thời Lý-Trần (TK XI-XIV), dân cư từ các làng thuộc đồng bằng Bắc Bộ đã tụ tập về khu vực này sinh sống, buôn bán sầm uất, tạo thành khu phố đông đúc nhất kinh thành. Đối chiếu bản đồ Hà Nội thế kỉ XIX và các tư liệu địa chính thời Nguyễn (từ năm 1802), có thể hình dung rõ hơn mô tả của Masson trong *Hanoi pendant la période héroïque* “khu vực phố cổ là một hình tam giác mà cạnh đáy dựa vào bên trên hồ Hoàn Kiếm, còn hai cạnh dựa vào sông Hồng và Hoàng Thành” [dẫn theo Phan Phương Thảo; 9, tr.150]. Theo bản đồ hành chính, khu phố cổ nằm trọn trong địa giới bốn tổng huyện Thọ Xương thuộc phủ Hoài Đức (trước có tên là huyện Vĩnh Xương thuộc phủ Phụng Thiên), cụ thể là toàn bộ tổng Hậu Túc và một phần lớn các

tổng Tiền Túc, Tả Túc, Hữu Túc. Từ năm 1831, cùng với công cuộc cải cách hành chính toàn diện, chia cắt lại các tỉnh của vua Minh Mệnh, bốn tổng này của huyện Thọ Xương được đổi tên thành những mi tự là Phúc Lâm, Thuận Mỹ, Đồng Xuân, Đông Thọ với số lượng các đơn vị hành chính cơ sở giảm từ 93 xuống còn 67 đơn vị thôn, phường. Số lượng đơn vị và tên gọi này được duy trì tới cuối thế kỉ XIX, khi dần dần các khu đất của huyện Thọ Xương, tiếp đó là huyện Vĩnh Thuận bị chính quyền phong kiến nhà Nguyễn nhượng cho thực dân Pháp xây dựng thành phố Hà Nội theo phong cách hiện đại của châu Âu với các đơn vị là đường, phố.

2. Địa danh khu phố cổ Hà Nội thế kỉ XIX

Từ khi được hình thành cho tới thế kỉ XIX, chắc chắn diễn cách, số lượng, tên gọi các đơn vị hành chính của Thăng Long có nhiều thay đổi. Trên cơ sở các tư liệu địa chính, địa bạ còn lưu giữ của nhà Nguyễn, tiêu biểu là: *Các tổng trấn xã danh bị lãm* (1810-1813), *Bắc Thành địa dư chí lục* (1818 - 1820), *Địa bạ cổ Hà Nội* (1837), *Hà Nội địa bạ* (1866), *Đồng Khánh địa dư chí* (1885-1888), *Đại Nam Nhất thống chí* (1910) (Phan Huy Lê [4], Nguyễn Thúy Nga [5]), và công trình nghiên cứu về lịch sử Thăng Long - Hà Nội của Nguyễn Văn Uẩn [12], người đọc phần nào có thể hình dung những đặc điểm của khu phố cổ từ các góc độ điều kiện tự nhiên, lịch sử, hoạt động sản xuất, kinh tế và đời sống xã hội của khu dân cư hết sức đặc biệt này của Thăng Long - Hà Nội qua hệ thống địa danh các đơn vị hành chính.

Đầu thế kỉ XIX và những thế kỉ trước đó, mặc dù giữ vai trò là trung tâm chính trị của đất nước với sự tồn tại của Hoàng Thành, song tổ chức hành chính cư dân Thăng Long vẫn theo phương thức tổ chức nông thôn với các đơn vị hành chính dưới Phủ là Huyện, dưới Huyện là các Tổng, trong Tổng là các

đơn vị hành chính cơ sở được gọi chủ yếu là Thôn hoặc Phường, ngoài ra có một số ít đơn vị được gọi là Xã hoặc Trại. Khu vực phố cổ vào thế kỉ XIX nằm tại các đơn vị hành chính cơ sở là Thôn và Phường.

2.1. Nhóm địa danh Hán Việt thể hiện ước mơ, nguyện vọng

Với tư cách là trung tâm chính trị của đất nước, việc lựa chọn sử dụng yếu tố Hán Việt (viết bằng chữ Hán) để đặt cho các đơn vị hành chính tất yếu được các nhà quản lí ưu tiên đặc biệt. Cũng như các khu vực khác của Thăng Long, việc lựa chọn các tên gọi bằng Hán Việt mang ý nghĩa đẹp vẫn là sự lựa chọn cho phần lớn các thôn, phường của khu vực này.

Qua khảo sát tên gọi của các đơn vị hành chính thuộc bốn tổng Tiền Túc, Hậu Túc, Hữu Túc, Tả Túc, có thể thấy địa danh dùng Hán Việt chiếm số lượng lớn. Trong danh mục 93 đơn vị hành chính cơ sở giai đoạn 1802-1831, chỉ có 9 đơn vị mang tên Nôm, còn lại toàn bộ là Hán Việt. Các yếu tố Hán Việt như Thái (泰), An (安), Xuân (春), Mỹ (美), Hoa (花), Lộc (祿)... tượng trưng cho ước vọng, mong muốn một cuộc sống an bình, hạnh phúc, giàu có xuất hiện nhiều trong các địa danh, như thôn Xuân Hoa (春花村) - khu vực phố Hàng Cân, Lương Văn Can; phường Đồng Xuân (同春坊) - khu vực chợ Đồng Xuân; thôn Yên Phú (安富村) - khu vực phố Hàng Mã, Hàng Đồng; thôn Mỹ Lộc (美祿村) - khu vực phố Nguyễn Hữu Huân; thôn Thuận Mỹ (順美村) - khu vực phố Hàng Hòm, Hàng Quạt; thôn Vĩnh Thái (永泰村) - khu vực phố Hàng Đường, Hàng Mã... Bên cạnh đó, những địa danh chứa đựng các yếu tố Hán Việt biểu thị lòng dũng cảm, trung nghĩa cũng xuất hiện khá nhiều ở các thôn phường, như thôn Dũng Hãn (勇悍坊) - khu vực phố Hàng Bạc, Tạ Hiện; thôn Trung Nghĩa (忠義村) - khu vực phố Hàng Chĩnh, Nguyễn Hữu Huân; thôn

Nghĩa Dũng (義勇村) - khu vực phố Nghĩa Dũng, Tân Ấp....

Theo Đại Nam thực lục [dẫn theo Phan Phương Thảo; 9, tr.125]), từ năm 1824, vua Minh Mạng đã có chủ trương xem xét lại tên gọi của các đơn vị hành chính tổng, xã, thôn, phường các địa phương, “những tên Nôm và mặt chữ không nhã thì bàn định đổi đi”. Theo tinh thần này, sau năm 1831, cùng với việc đổi tên toàn bộ các tổng thuộc huyện Thọ Xương, tất cả các thôn, phường đang mang tên Nôm đều được đổi sang Hán Việt. Thôn *Chùa Tháp phường Báo Thiên* (khu vực Hàng Trống hiện nay) được đổi thành thôn *Tự Tháp phường Báo Thiên*. Thôn Hàng Nội (khu vực phố Hàng Bồ, Bát Đàn) đổi thành thôn Nhân Nội. Cũng có trường hợp tên Nôm thay thế hoàn toàn bằng một tên gọi Hán Việt song mang nghĩa gần giống hoặc có liên quan với nghĩa của địa danh cũ, như trường hợp thôn *Hàng Chè* đổi thành thôn *Hương Minh* (có nghĩa là *chè thơm*) - khu vực phố Hàng Dầu, Cầu Gỗ ngày nay; thôn *Hàng Cá* chuyển thành thôn *Gia Ngư* - khu vực phố Gia Ngư ngày nay...

Vấn đề kiêng húy cũng là một lí do thường thấy khi sử dụng địa danh là Hán Việt. Theo nhà nghiên cứu Ngô Đức Thọ [11], giai đoạn nhà Nguyễn là giai đoạn quy định về húy được thực hiện một cách chặt chẽ và nghiêm khắc nhất. Từ triều vua Gia Long đến Minh Mệnh, Thiệu Trị, Tự Đức, mỗi triều đại vua từng một số lần ban bố lệnh kiêng húy cho những từ cụ thể trùng với tên của vua, hoàng hậu hoặc cha mẹ vua, đồng thời ban bố cả những hình phạt nghiêm khắc đối với những ai vi phạm. Tuân thủ quy định trên, một số địa danh khu vực này cũng đã bị thay đổi do chứa đựng những yếu tố nằm trong danh sách húy vua ban. Thôn Xuân Hoa (春花村) - khu vực phố Hàng Cân, Lương Văn Can ngày nay, phải đổi tên thành thôn Xuân Yên (春煙村), thôn Nam Hoa (南花村) - khu vực phố Hàng Bè, Hàng Thùng ngày nay, đổi tên thành thôn Nam

Phổ (南埔村) do kiêng húy Thái hậu Hồ Thị Hoa là mẹ vua Thiệu Trị.

2.2. Nhóm địa danh thể hiện đặc trưng của khu vực

Bên cạnh các địa danh chủ yếu là những “mĩ tự” thể hiện nguyện vọng, mong ước về những điều tốt đẹp trên, tồn tại không ít địa danh phản ánh những đặc điểm điển hình của khu vực phía Đông Hoàng Thành. Tựu trung lại, có hai đặc điểm được thể hiện rõ nhất:

2.2.1. Địa danh thể hiện đặc điểm vị trí địa lí

Về địa lí, theo tư liệu lịch sử, đây là một khu vực có nhiều biến động lớn so với địa hình ngày nay. Vào thời Lê, khu vực này nằm giữa Hoàng Thành và sông Nhị Hà (đoạn sông Hồng chảy qua Hà Nội) có nhiều đầm hồ, trong đó có một hồ lớn tên là Thái Cực. Xung quanh Kinh thành đều là hào nước. Bờ sông Hồng nằm sâu trong khu vực đất liền hiện nay. Sông Tô Lịch nối với hào thành, các đầm hồ, thông với hồ Hoàn Kiếm nằm ở phía Nam và sông Hồng. Phía Nam là hồ Tả Vọng (hồ Hoàn Kiếm ngày nay) và dưới nữa hồ Hữu Vọng (còn được gọi là hồ Thủy Quân, cuối thế kỉ XIX bị lấp để phục vụ cho việc xây dựng đô thị).

Điều kiện địa lí này còn lưu lại dấu vết trong rất nhiều địa danh. Địa danh mang nghĩa liên quan đến yếu tố *nước* xuất hiện khá nhiều. Nhiều tên gọi trực tiếp có yếu tố Hà (河) như phường Hà Khẩu (河口坊) trước kia có tên gọi là phường Giang Khẩu (江口), rồi thôn Hạ Hà (下河村), phường Đông Hà (東河坊), thôn Vọng Hà (望河村)... Đây là tên gọi các khu vực phía đông, nằm sát bờ sông Hồng. Bên cạnh đó, rất nhiều địa danh mang nghĩa biểu thị các sự vật, hiện tượng mang tính đại diện tiêu biểu của khu vực có sông, hồ, như phường Cầu Gỗ (nơi từng có chiếc cầu bắc qua con lạch nối hồ Hoàn Kiếm với sông Hồng), phường Cầu Đất (nơi từng tồn tại một chiếc cầu bằng

đất sát bờ sông), thôn Cầu Cháy (khu vực có cầu bắc qua sông Tô Lịch, xung quanh nhiều nhà cửa sầm uất và nhiều lần bị cháy nên vùng xung quanh gọi là vùng Cầu Cháy); thôn Hà Khẩu Thị Kiên Nghĩa (Chợ Kiên Nghĩa ở cửa sông). Tại tổng Tả Túc có tới 6 phường được mang chữ Thủy Cơ (水機), một khái niệm chỉ các làng chài sống ven sông, đó là phường *Thủy Cơ Trúc Vồng*, *Thủy Cơ Đông Trạch*, *Thủy Cơ Vũ Xá*, *Thủy Cơ Biện Dương*, *Thủy Cơ Lăng Hồ* và *Thủy Cơ Tự Nhiên* (nay thuộc khu vực các phố Trần Khánh Dư, Trần Quang Khải). Tới khoảng giữa thế kỉ 19, các phường Thủy Cơ này không còn xuất hiện độc lập trong hệ thống địa danh hành chính nữa mà được sáp nhập vào một đơn vị lớn có tên gọi là phường Cơ Xá bao gồm toàn bộ khu vực nằm sát ven sông Hồng. Bên cạnh đó, tên hai hồ lớn là Thái Cực và Tả Vọng vẫn được lưu giữ tại trong tên gọi của hai thôn là thôn Thái Cực thuộc tổng Tiền Túc (khu vực phố Hàng Đào) và thôn Tả Vọng thuộc tổng Hữu Túc (khu vực phố Hàng Dầu, Đinh Tiên Hoàng).

Cùng với các địa danh bằng âm Hán Việt, trong số các tên gọi bằng âm Việt (viết bằng chữ Nôm) cũng có những tên gọi chắc chắn được lựa chọn bởi điều kiện tự nhiên đặc biệt này. Đó là các phường Hàng Buồm, Hàng Bè, thôn Hàng Chài, Hàng Cávới hoạt động nghề nghiệp mang tính đặc thù của một khu vực nhiều kè, lạch và những bến sông.

Đặc điểm về vị trí so với Hoàng Thành cũng được thể hiện trong không ít địa danh. Chữ Đông (東) xuất hiện trong một loạt địa danh khu vực phía tây khu phố cổ. Đó là thôn Hữu Đông Môn (右東門村) - khu vực phố Đường Thành ngày nay; thôn Đông Thành Thị (東城市村) - khu vực phố Đường Thành, Hàng Vải, Thuốc Bắc; thôn Đông Thành Yên Nội (東城安內村) - khu vực phố Hàng Điếu, Hàng Da; thôn Đông Hoa Môn

(東花門村) - khu vực phố Nguyễn Siêu, Hàng Dầy,....Đối chiếu với bản đồ Hà Nội thế kỉ XIX, có thể thấy cửa Đông của Hoàng Thành - ranh giới phía Tây của khu phố cổ, đã được nhà cầm quyền thời đó lấy làm mốc và đưa vào tên gọi cho các đơn vị hành chính khu vực này.

2.2.2. Nhóm địa danh thể hiện đặc điểm của một khu vực sản xuất và buôn bán

Có thể nói khu vực phố cổ trong nhiều thế kỉ nổi tiếng là một khu vực thương mại. Theo các tài liệu lịch sử, từ thời Lý-Trần, dân cư địa phương tứ trấn tụ tập về khu vực nằm ngay kề sông Hồng, giao thông hết sức thuận lợi để sinh sống, buôn bán, tạo thành khu phố đông đúc nhất kinh thành. Đến đời Lê, dần dần nhiều Hoa kiều cũng đến đây sinh cơ lập nghiệp, tạo thành các khu phố người Hoa. Các nghề nghiệp chủ yếu là nghề thủ công, sản xuất các vật dụng cần thiết hàng ngày cho dân cư kinh thành đã thu hút thợ giỏi từ các làng nghề quanh Thăng Long đến tập trung theo từng khu vực, tạo thành các phường hội nghề nghiệp.

Do đặc thù như vậy, hầu hết mỗi đơn vị hành chính bên cạnh tên gọi chính thức do chính quyền quy định còn có tên gọi thứ hai mang tính dân dã, được người dân lao động bản địa thường xuyên sử dụng. Tên gọi Nôm này được tạo lập theo một công thức chung là “Hàng+X”. Đơn vị X là từ thuần Việt, chủ yếu được cấu tạo bằng một âm tiết (như *Hàng Bông*, *Hàng Thùng*, *Hàng Gạo*, *Hàng Than*,....), một số ít trường hợp được cấu tạo bằng hai âm tiết (*Hàng Bông Đem*, *Hàng Bông Lò*, *Hàng Vải Thâm*, *Hàng Áo Cũ*, ...). Ý nghĩa của đơn vị X khá đa dạng, nhưng về cơ bản phản ánh *sản phẩm chính được sản xuất hoặc buôn bán*. Theo Nguyễn Văn Uẩn [12, tr.451], sự phân bố các phường sản xuất và buôn bán tính từ con đường cửa chính Đông của Hoàng Thành như sau: Sát cửa Đông là các phường buôn bán giấy bút, văn hóa phẩm, thuốc, vải, đồ sứ và tạp hóa (các thôn Đông Thành, Nhân Nội,...có các tên

Nôm Hàng Bút, Hàng Bát, Hàng Chén,...). Tiếp theo là các phường tiểu thủ công làm đồ da, thiếc, nón, quạt (thôn Yên Nội, Yên Trung... có các tên Nôm *Hàng Da, Hàng Thiếc, Hàng Nón, Hàng Quạt*...); Các phường làm nghề bông, đồ gỗ (thôn Kim Bát, Cổ Vũ, Yên Thái). Sau đó là các phường nhuộm vải, buôn bán vải lụa tơ tằm, vàng bạc (phường Đồng Lạc, Đại Lợi, Diên Hưng, Dũng Thọ... có các tên *Hàng Đào, Hàng Bạc, Hàng Bông Nhuộm*...), rồi đến các phường thủ công và buôn bán hàng sắt, đồng, tre cốt, giấy mã (thôn Yên Phú, Vĩnh Thái, Vĩnh Trà, Tân Khai có các tên Nôm: *Hàng Tre, Hàng Mã, Hàng Mây, Hàng Bừa*,...). Các phường nghề có liên quan đến sông nước nằm dọc bờ sông Hồng hoặc gần các bến của sông Tô Lịch do phải sử dụng sông ngòi làm đường vận chuyển hàng hóa như than, tre, nứa, gỗ, vật liệu xây dựng, chiếu cói, chum vại, cau, chè...(thôn Thạch Khối, Phúc Lâm, Trùng Thanh, Nguyên Khiết... với các tên Nôm *Hàng Than, Hàng Tre, Hàng Chiếu, Hàng Bè, Hàng Cau*,...). Đây là những cơ sở quan trọng để lí giải ý nghĩa và sự phân bố tên gọi Nôm của các thôn phường phố cổ.

Trong các tài liệu như *Bắc Thành địa dư chí lục, Các trấn tổng xã danh bị lãm, Đồng Khánh dư địa chí*... hầu hết chỉ ghi các địa danh được ghi nhận và sử dụng chính thức. Song tại *Thăng Long cổ tích khảo tịnh hội đồ* của Đặng Xuân Khanh, những đơn vị hành chính có tên Nôm đều được ghi chú một cách rõ ràng đồng thời với nghề nghiệp mang tính đặc trưng. Sự tồn tại của tên Nôm bên cạnh tên chữ chính thức là đặc thù của khu vực này so với các khu vực khác của Thăng Long. Ví dụ:

- Phường Thái Cực: tục gọi Hàng Đào, nay đổi là phường Đại Lợi, bán vải vóc lụa là các loại (chữ Đào là đọc chệch của chữ Điều).

- Phường Yên Nội: tục gọi Hàng Nồi, bán các loại sanh nồi.

- Phường Đông Hà: tục gọi Hàng Bát, bán đồ sứ và chiếu trắng.

- Thôn Xuân Yên: tục gọi Hàng Cân, bán cân và tạp vật

- Thôn Yên Phú: tục gọi Hàng Mã, bán giấy màu để trang trí và đồ mã để cúng.

Tuy vậy, cũng có trường hợp yếu tố khu biệt X chỉ mang tính đại diện cho một nghề nhất định chứ không phải là nghề chung cho toàn bộ khu vực. Ví dụ, Hàng Mụn là tên của một con phố nhỏ có một số cửa hàng chuyên dùng các đầu vải, mụn vải để may thành mũ áo trẻ em, đặc biệt là khâu những chùm “bùa tua bùa tút” cho trẻ em đeo trong dịp tết Đoan ngọ. Hay Hàng Chỉ là một ngõ ngày thời xưa có một số nhà làm nghề se chỉ do đó thành tên. Thôn Đồng Thuận có tên Nôm là Hàng Cá vì tại đây từng có trại Tiên Ngư vốn làm nghề đánh bắt cá... Hàng Chai không phải là nơi sản xuất, buôn bán chai lọ mà là một đoạn ngõ nhỏ, nơi tập trung dân nghèo chuyên làm nghề thu lượm các đồ phế liệu, chai lọ (đồng nát).

Mặc dù vậy, không phải tất cả các trường hợp đều có thể được giải thích bằng mối liên hệ trực tiếp giữa nghề nghiệp và tên gọi. Như thôn Đông Thành Thị (có tài liệu ghi là thôn Đông Thành) cũng có tên Nôm là Hàng Bát, song sản phẩm chủ yếu lại là đồ thiếc. Có thể phỏng đoán rằng chắc chắn từng có giai đoạn lịch sử mà đồ bát đĩa là sản phẩm buôn bán chủ yếu của khu vực này.

Bên cạnh các tên gọi Nôm, một số đơn vị hành chính có tên gọi biểu thị đặc thù nghề nghiệp bằng chữ Hán. Thôn Nhiễm Thượng phường Đông Tác thuộc tổng Hữu Túc (khu vực phố Cầu Gỗ, Hàng Dầu ngày nay) và thôn Nhiễm Trung Phường Đông Tác thuộc tổng Hậu Túc (khu vực phố Đồng Xuân, Hàng Gạo ngày nay) là những ví dụ. Về phương diện kết cấu địa danh, tên gọi hai thôn này đều có chữ 染 (âm Hán Việt là *nhiễm*; có nghĩa là *nhuộm*) và đều có cụm từ Phường Đông Tác nhưng lại nằm ở hai tổng khác nhau. Trên cơ sở tư liệu lịch sử, có thể

giải thích đây là các thôn có nhiều người làm nghề nhuộm vải, nhưng đều di cư đến từ một vùng gốc có nghề nhuộm là nghề truyền thống là thôn Trung Tự phường Đông Tác thuộc tổng Tả Nghiêm. Do vậy tên gọi của hai thôn trên (và một thôn nữa là thôn Nhiễm Hạ phường Đông Tác thuộc tổng Tả Nghiêm) đều được cấu tạo gồm thành tố đánh dấu nguồn gốc dân cư (phường Đông Tác, nay là khu vực Trung Tự) và thành tố đánh dấu nghề nghiệp là Nhiễm.

3. Địa danh khu phố cổ Hà Nội giai đoạn Pháp thuộc

3.1. Sự chuyển biến từ địa danh phường nghề thành địa danh phố nghề

Sau đạo dụ của vua Đồng Khánh công nhận Hà Nội là “nhượng địa” của thực dân Pháp và được Toàn quyền Đông Dương phê chuẩn năm 1888 nhằm biến Hà Nội trở thành thủ phủ của Pháp tại Đông Dương, Hà Nội có những thay đổi toàn diện từ quy hoạch đô thị, xây dựng cơ sở hạ tầng, đến thiết lập bộ máy hành chính theo mô hình đô thị hiện đại của phương Tây, trong đó các cấp hành chính phổ biến của triều đại nhà Nguyễn là thôn, phường được thay thế dần bằng một khái niệm mới mang tính phương Tây là “đường, phố”. Hàng loạt đường, phố mới được xây dựng tạo thành các khu phố Tây ở phía Nam hồ Hoàn Kiếm với các tên gọi hoàn toàn bằng tiếng Pháp do chính quyền thực dân quy định. Tuy vậy, rất hiếm tài liệu lưu trữ đề cập đến quá trình thay đổi từ thôn, phường thành các đường phố của khu vực phía đông Hoàng Thành vào thời gian này.

Theo chúng tôi đã có một quá trình chuyển đổi từ đơn vị phường nghề thành đơn vị phố nghề một cách tự phát. Theo Nguyễn Thừa Hỷ [3, tr.494], với thiết kế chung của các ngôi nhà hình ống, hẹp lòng nằm san sát cạnh nhau thuộc khu phố buôn bán, việc giao dịch mua bán các sản phẩm được thực hiện ngay tại gian ngoài, tạo thành những con đường nhỏ nằm trong thôn. Trước khi

Pháp xâm chiếm và xây dựng Hà Nội theo kiểu phương Tây, những con đường “nhỏ, chật hẹp, lầy lội chạy ngoằn ngoèo giữa các thôn”, nơi diễn ra các hoạt động buôn bán, theo mô tả của Masson [dẫn theo Nguyễn Văn Uẩn; 12, tr.446] là hình hài đầu tiên của các con phố sau này. Sau khi Pháp bắt đầu xây dựng những con phố lớn với tên gọi *Rue, Avenue hay Boulevard*, những con đường này mới dần được chỉnh trang, mở rộng lòng đường, làm vỉa hè và được gọi là “phố”. Có thể thấy trong *Thăng Long cổ tích khảo tịnh hội đồ* hầu như không thấy xuất hiện chữ “phố” mà chỉ có ghi “tục gọi là Hàng...”. Nhưng trong Đại Nam nhất thống chí (1910), đứng trước các “Hàng X” mới được thêm chữ Phố. Lúc này, từ góc độ cấu trúc phức thể địa danh có sự chuyển hóa chức năng của yếu tố Hàng từ vai trò chỉ loại sang vai trò của một thành tố trong bộ phận định danh.

Tuy vậy, một đơn vị hành chính (thôn, phường) thời kì này không chỉ là nơi tập hợp của một phường nghề duy nhất mà có thể có một số phường nghề hoặc nhóm nghề nghiệp nhỏ sống tụ tập với nhau. Vì vậy các phố “Hàng + X” được ghi chép lại trong lịch sử khu phố cổ lớn hơn so với số lượng đơn vị hành chính. Một thôn hoặc phường có thể có tới hai hoặc ba nghề, do vậy có tới hai hoặc ba Hàng khác nhau. Như thôn Tân Lập Tân Khai, tục gọi là Hàng Cót, song thực tế có hàng loạt phố nghề nằm trong đó, như phố Hàng Chai, phố Hàng Gà, phố Hàng Vải, phố Hàng Cót, phố Hàng Bừa (sau gọi là phố Lò Rèn). Như vậy, có mối quan hệ hữu cơ nhưng không hoàn toàn trùng nhau giữa là tên Nôm các đơn vị hành chính với các phố nghề hay những con đường chạy trong các thôn, phường đó.

Sau năm 1890, sau khi làm chủ và khẳng định quyền sử dụng đất đai của Hà Nội, chính quyền Pháp tiến hành san lấp hồ ao và sông tại khu phố cổ, như khu vực chợ Hàng Da, khu vực hồ Thái Cực, hồ Ngự Vĩng, tạo

điều kiện xây dựng thêm các khu phố mới và cải tạo các phố cũ. Hàng loạt phố mới được xây dựng, đặc biệt trong khu tứ giác là các phố Hàng Buồm, Hàng Ngang, Hàng Đào, Hàng Bè. Đến thời điểm này, khu phố cổ có 49 phố, trừ một số ngõ nhỏ [Phan Phương Thảo; 9, tr.173]). Đơn vị hành chính thôn, phường mang đậm tính chất nông thôn cổ truyền Bắc Bộ hoàn toàn biến mất, thay vào đó là những dãy phố với những tòa nhà kiểu mới. Nhiều hẻm nhỏ chạy trong các phường nghề được nối với nhau và mở rộng hơn. Trục phố Hàng Bông là một ví dụ điển hình. Với một độ dài gần một km, con phố này chạy qua đất của 4 thôn (thôn Kim Bát Thượng, Kim Bát Hạ, Thương Đông Môn Hạ và Yên Trung Hạ) và là con phố nối dài của 5 con phố nhỏ trước kia là phố Hàng Hải, Hàng Bông Đệm, Hàng Bông Cây Đa Cửa quyền, Hàng Bông Lờ và Hàng Bông Thợ Nhuộm. Trong số 49 ngõ, phố này có 41 phố có tên gọi theo cấu trúc truyền thống “Hàng X”, chỉ có 8 phố có tên gọi theo kiểu khác (phố Đường Thành, Nhà Chung, Mã Mây, Phúc Kiến, Ngõ Gạch, Thuốc Bắc, Tạ Hiện, Hà Trung...).

3.2. Hiện tượng chuyển địa danh từ tiếng Việt sang tiếng Pháp

Sau khi xây dựng xong khu “nhượng địa” trên đất một số phường thuộc tổng Phúc Lâm, cùng với việc tiến hành xây dựng khu phố phía nam hồ Hoàn Kiếm theo phong cách và tiêu chuẩn châu Âu, chính quyền thực dân Pháp thực hiện thể chế hóa các quy chuẩn đối với đường phố Hà Nội, bao gồm cả các khu phố cũ và khu phố mới, trong đó có quy định về việc đặt tên phố.

Để khẳng định vị trí thống trị của chính quyền thực dân tại Hà Nội đồng thời mở rộng ảnh hưởng của văn hóa “mẫu quốc”, sau giai đoạn đánh số các phố (theo kiểu Voie 12, Voie 17...), tất cả các phố đều được đặt tên bằng tiếng Pháp. Đối với các phố mới được xây dựng, tuyệt đại đa số tên phố là tên các sĩ quan cao cấp của quân đội Pháp

đã có nhiều công lao trong công cuộc “bình định” xứ Bắc Kỳ hoặc tên của các nhà hoạt động chính trị Pháp đã giữ những chức vụ quan trọng trong hệ thống chính quyền thực dân tại Pháp và tại Đông Dương. Nhưng đối với khu phố cổ, có lẽ do quan niệm là khu phố dành cho dân buôn bán bản địa ít quan trọng nên chính quyền thực dân không dành nhiều sự quan tâm. Do vậy, thay vì phương án đặt hoàn toàn tên gọi mới cho những con phố cũ, chính quyền quyết định chuyển cơ bản tên gọi cũ từ tiếng Việt sang tiếng Pháp với yêu tố chỉ loại Phố đều được chuyển thành Rue, một số ngõ nhỏ được gọi là Impasse hay Passage. Chủ trương là như vậy, nhưng thực tế việc chuyển đổi được thực hiện theo một số cách (trên cơ sở tư liệu năm 1902):

Cách thứ nhất: Đảm bảo hoàn toàn sự tương ứng về nghĩa, tức là chuyển dịch hoàn toàn từ tiếng Việt sang tiếng Pháp. Phố Hàng Buồm chuyển thành *Rue des Voiles*. Phố Hàng Đường chuyển thành *Rue du Sucre*. Phố Hàng Than chuyển thành *Rue de Charbon*... Đây là phương thức chuyển dịch chủ yếu cho đại đa số các trường hợp và dễ được chấp nhận, bởi tuy tên gọi bằng tiếng Pháp được sử dụng chính thức nhưng người dân lao động vẫn có thể gọi tên phố bằng tiếng Việt mà không gây nên sự nhầm lẫn.

Cách thứ hai: Đảm bảo một phần sự tương đương về nghĩa khi chuyển dịch thông qua phương thức mô phỏng hoặc lựa chọn một đặc trưng mang tính đại diện của nghề nghiệp hoặc sản vật để chuyển dịch sang tiếng Pháp. Ví dụ Hàng Trống nổi tiếng các nghề thêu ren, làm lồng và làm tranh, song được gọi bằng tên *Rue des Brodeurs* (phố Thợ thêu). Phố Hàng Khay nổi tiếng bởi nghề làm đồ mỹ nghệ, khảm trai tinh xảo được đặt tên là *Rue des Incrusteurs* (phố Thợ Khảm). Phố Hàng Bạc, một phố rất lâu đời với nghề kim hoàn truyền thống cùng các xưởng đúc bạc nén, được đặt tên theo một hoạt động có tính đặc thù *Rue de*

Changeurs (phố những người đổi bạc). Hay một phố khác có tên dân gian là phố Hàng Bừa (hay Hàng Cuốc) được đặt lại thành *Rue des Forgerons* (phố người thợ rèn) để rồi sau này, ngay người Việt cũng dần quen gọi là phố Lò Rèn.

Đối với những phố được mang tên những sản vật đặc trưng của Việt Nam như phố Hàng Chĩnh, Hàng Mắm, Hàng Rươi, Hàng Hòm, việc tìm từ tương đương trong tiếng Pháp không dễ dàng nên việc đặt tên Pháp thực hiện bằng phương thức mô tả hoặc dùng từ gần nghĩa. Như *Rue des Vases* (phố hàng vại chậu) được dùng cho phố Hàng Chĩnh, *Rue des Médicaments* (phố hàng Thuốc) thay cho phố Thuốc Bắc, *Rue des Vers Blancs* (phố Sâu trắng) đặt cho phố Hàng Rươi, *Rue des Caisses* (phố Ngân quỹ) đặt cho phố Hàng Hòm.

Cách thứ ba: Tạo ra một tên mới toàn toàn trên cơ sở một đặc điểm nào đó được lựa chọn của phố. Ví dụ phố Hàng Ngang được gọi là *Rue Cantonais* (phố người Quảng Đông); phố Lãn Ông được gọi là *Rue des Phuróc Kiến* vì là những khu phố chủ yếu tập trung người Hoa tới từ Quảng Đông và Phúc Kiến. Phố Mã Mây được gọi là *Rue des Pavillons Noirs* (phố Quân Cờ Đen) để ghi nhớ sự kiện năm 1883 có một đơn vị quân cờ đen đóng tại phố này. Phố Hàng Dầu được gọi là *Rue du Lac* (phố bên hồ) do vị trí nằm cạnh hồ Hoàn Kiếm....Một số ít phố được đặt tên người Pháp như phố Hàng Chiếu được gọi là *Rue Jean Dupuis*; *Rue des Brodeurs* (phố Hàng Trống cũ) được đổi tiếp thành *Rue Jules Ferry*; *Rue des Briques* (phố Ngõ Gạch cũ) được đổi thành *Rue Guyli Blanchart*.

Từ đầu thế kỉ XX đến năm 1945, không ít các đường phố Hà Nội qua nhiều lần đổi tên vì những lí do khác nhau, đặc biệt là giai đoạn từ năm 1919 đến năm 1933, song riêng đối với khu phố cổ, phương thức định danh, tên gọi và cách chuyển dịch tương đương sang tiếng Pháp về cơ bản không có biến đổi

lớn. Mặc dù số lượng đã tăng lên 62 phố, ngõ [Phan Phương Thảo; 9, tr.211], cùng với sự mở mang thêm đường phố do lấp hồ, ao, song các phố gắn với các phường nghề hầu như vẫn giữ nguyên. Tên gọi các phố mới mở chủ yếu mang tính đăng kí, sử dụng địa danh hành chính hay một đặc điểm nổi trội nào đó của khu vực làm tên gọi, như *Rue de la Port Sud* (phố Cửa Nam, do nằm ở cửa phía Nam của Thành Hà Nội), *Rue de la Citadelle* (phố Đường Thành, do nằm dọc bờ lũy Hoàng Thành cũ), *Passage de Phat Loc* (ngõ Phất Lộc, là nơi tập trung rất đông dân làng Phất Lộc, huyện Đông Quan, Thái Bình đến làm ăn, sinh sống)...

4. Địa danh khu phố cổ sau năm 1945

Sau cuộc đảo chính của Nhật ngày 9/3/1945, chính quyền thực dân Pháp bị chính quyền thân Nhật thay thế. Ở Hà Nội, bác sĩ Trần Văn Lai, một trí thức có tinh thần dân tộc, Đốc lí (thị trưởng) thành phố Hà Nội đã có những quyết định hết sức quan trọng nhằm xóa bỏ ảnh hưởng và vai trò của Pháp ở Hà Nội, trong đó có việc đặt lại tên hầu hết các đường phố và công viên. Chủ trương này tiếp theo đó đã được chính quyền cách mạng triệt để ủng hộ. Hầu hết các phố tại khu vực phố cổ đều được quay trở lại tên gọi cũ. Một số ít trường hợp được đổi tên nhằm đánh dấu đặc điểm mới của phố. Ví dụ: *Rue de la Laque* có tên cũ là phố Hàng Sơn, song từ năm 1945 lại được mang một tên mới là *phố Chả Cá* do ở phố có một hàng bún ăn với chả cá ngon nổi tiếng Hà Nội.

Thực tế không ít tuyến phố, những nghề nghiệp mang tính đặc trưng trước đây, do những điều kiện nhất định không còn tồn tại nữa và được chuyển đổi sang các nghề nghiệp hoặc hoạt động sản xuất khác, như : phố Hàng Bông chủ yếu là cửa hàng thuê và bán quần áo; phố Hàng Buồm chủ yếu bán đồ ăn uống, bánh kẹo; phố Hàng Trống chủ yếu bán tranh và đồ thêu; phố Hàng Cá,

Hàng Rươi không còn cá, rươi để bán do không còn sông Tô Lịch...Tuy vậy tên gọi cũ gắn với lịch sử của các con phố này vốn đã rất quen thuộc với người Hà Nội vẫn được duy trì cho đến ngày nay.

Theo quyết định số 70 BXD/KT-QH ngày 30 tháng 3 năm 1995 của Bộ Xây dựng, khu Phố cổ Hà Nội có phạm vi được xác định: phía Bắc là phố Hàng Đậu; phía Tây là phố Phùng Hưng; phía Nam là các phố Hàng Bông, Hàng Gai, Cầu Gỗ và Hàng Thùng; phía Đông là đường Trần Quang Khải và đường Trần Nhật Duật. Về mặt địa giới, khu phố cổ Hà Nội thuộc địa bàn quận Hoàn Kiếm với tổng diện tích khoảng 100 ha, có 76 tuyến phố thuộc 10 phường. Trong số các tuyến phố này, 47 phố có tên gọi gắn với nghề nghiệp, sản vật đặc trưng (38 tên phố bắt đầu bằng chữ Hàng, các phố khác biểu thị sản vật trực tiếp như phố Bát Đàn, Bát Sứ, Thuốc Bắc, Lò Rèn...); 14 phố mang tên gắn với các địa danh hành chính thời Lê và thời Nguyễn (phố *Tổ Tịch*, *Yên Thái*, *Thanh Hà*, *Đồng Xuân*...) hoặc các di tích mang tính lịch sử (phố *Ô Quan Chưởng*, *Ngõ Trăm*, *Ngõ Gạch*, *Cầu Gỗ*, *Cửa Đục*, *Cửa Đông*...). Ngoài ra, một số ít phố mang tên các danh nhân nổi tiếng của dân tộc (phố Nguyễn Thiện Thuật, Lương Văn Can, Nguyễn Văn Tố, Nguyễn Hữu Huân,...).

5. Lời kết

Địa danh là một nhân chứng thầm lặng về lịch sử tồn tại và phát triển của một khu vực trong những điều kiện chính trị, văn hóa, địa lý, kinh tế nhất định. Với bức tranh địa danh vẫn còn mang tính phác thảo trong một khoảng thời gian không đủ dài như vậy, ai cũng có thể cảm nhận được cái hồn chung của một khu phố được mang danh là “cổ” nhưng thầm lặng có những biến đổi và phát

triển hết sức quan trọng cùng với sự biến đổi và phát triển của Hà Nội. Vì vậy bên cạnh mục đích học thuật, bài viết hi vọng giúp những người sống ở Hà Nội, yêu Hà Nội có thêm tư liệu về lịch sử của khu vực mang tính biểu trưng của thành phố 1000 năm tuổi này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

1. Nguyễn Viết Chức (chủ biên) (2010), *Từ điển đường phố Hà Nội*, Nxb Hà Nội.
2. Đào Thị Diễm (chủ biên) (2010), *Hà Nội qua tài liệu lưu trữ 1873-1954*, Nxb Hà Nội.
3. Nguyễn Thừa Hỷ (1993), *Thăng Long - Hà Nội thế kỉ XVII, XVIII, XIX*.
4. Phan Huy Lê (chủ biên) (2005), *Địa bạ cổ Hà Nội*, Nxb Hà Nội.
5. Nguyễn Thúy Nga (2010), *Địa danh Thăng Long - Hà Nội thời Nguyễn (khảo cứu từ nguồn tư liệu Hán Nôm)*. Nxb KHXH.
6. Nguyễn Quang Ngọc (2008), *Cấp phường ở Thăng Long - Hà Nội: quá trình hình thành, biến đổi và những nét đặc trưng*. Kì yếu hội thảo: Quản lí và phát triển Thăng Long - Hà Nội, Nxb Hà Nội.
7. Nguyễn Vinh Phúc (2010), *Địa danh Hà Nội*, Nxb Hà Nội.
8. Nguyễn Thị Việt Thanh (2013), *Địa danh đường phố Hà Nội giai đoạn Pháp thuộc*. TC KHXHNV - ĐHQGHN, số 2/2013.
9. Phan Phương Thảo (chủ biên) (2013), *Khu phố cổ Hà Nội nửa đầu thế kỉ XX qua tư liệu địa chính*, Nxb Chính trị Quốc gia.
10. Bùi Thiết (2010), *Thăng Long - Hà Nội*. Từ điển địa danh. Nxb Thanh niên.
11. Ngô Đức Thọ (H.1997), *Chữ huy Việt Nam qua các triều đại*. Nxb Văn hóa.
12. Nguyễn Văn Uẩn (2010), *Hà Nội nửa đầu thế kỉ XX*, Nxb Hà Nội (2 tập).

(Ban Biên tập nhận bài ngày 23-04-2014)